

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-PT

Ngày: 26-4-2019

V/v “tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Vương Minh Tâm**

Ông **Triệu Quốc H**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Khương** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Trần Thị Trúc Lâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2019/TLPT-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc “tranh chấp đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Tứ H**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ ab, ấp Hòa An, xã Nguyễn Văn Thành, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh **Lưu Thanh P**, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số mn, Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: - Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1962 (có mặt).

- Bà **Đoàn Thị L**, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ zb, ấp Hòa An, xã Nguyễn Văn Thành, huyện BT, tỉnh

Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị L là ông **Trần Thanh H1**, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: số xyz đường số 11 phường 4, thành phố TA, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tứ H và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Lưu Thanh P trình bày:

Đầu năm 2016 chị Tứ H từ Hàn Quốc về nhà cha mẹ ruột là ông bà Nguyễn Văn S, Đoàn Thị L tại số acb, tổ ab, ấp Hòa An, xã Nguyễn Văn Thành, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Trong quá trình chung sống, gia đình chị Tứ H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cha chị Tứ H thường dùng lời lẽ khó nghe để gây áp lực, thậm chí dùng vũ lực đánh mẹ con chị Tứ H. Khi về sống chung với ông S, bà L, chị Tứ H đã gửi các giấy tờ tùy thân cho ông S, bà L cất giữ trong tủ sắt của gia đình.

Do không thể chịu đựng được hành vi bạo lực gia đình, chị Tứ H đã quyết định ra sống riêng tại thành phố Cần Thơ từ tháng 6 năm 2017. Khi chị Tứ H quyết định ra sống riêng thì ông S, bà L đã giữ các giấy tờ tùy thân của chị Tứ H và cả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị Tứ H đứng tên. Chị Tứ H đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà L giao trả lại các giấy tờ cho chị Tứ H nhưng không được chấp nhận.

Do đó, chị Tứ H yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L trả lại cho chị H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm:

1/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 187853, thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do bà Nguyễn Thị Tứ H đứng tên quyền sử dụng đất.

2/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 756342 thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Thị Tứ H đứng tên quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn S trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tứ H khởi kiện đúng là do vợ chồng ông đang cất giữ. Nhưng lý do vợ chồng ông cất giữ những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là do Tứ H đem cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tứ H cho bà Phan Thị Ánh 160.000.000 đồng, ông cầm quyền sử dụng đất của ông tại ngân hàng để chuộc lại cho Tứ H, vì lúc đó Tứ H nhờ ông chuộc lại. Sau khi chuộc lại thì ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tới nay.

Theo ý kiến của ông thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của Tứ H có được là của chồng Tứ H ở Hàn Quốc gởi tiền về mua đất, nên đây là tài sản chung của vợ chồng Tứ H chứ không phải riêng của Tứ H. Ông không có

yêu cầu Tứ H trả số tiền ông chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tứ H. Ông yêu cầu chồng Tứ H về Việt Nam để giải quyết vấn đề này thì ông mới đồng ý. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là tài sản chung của vợ chồng Tứ H. Nên ý kiến ông là ngay từ đầu tòa án huyện BT thụ lý giải quyết vụ kiện này là không đúng, vì không mời chồng của Tứ H về để xem xét giải quyết chung vụ kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị L là ông Trần Thanh H1 trình bày: Ý kiến của bà Đoàn Thị L cũng thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Văn S. Tòa án cần lưu ý về việc thụ lý giải quyết của mình. Tài sản này là tài sản chung của vợ chồng Tứ H, chồng Tứ H là Lee Sang Man là người Hàn Quốc. Theo ông vụ kiện này là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện BT, mà tòa án BT thụ lý là sai quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 105, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 3 Luật đất đai; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tứ H.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 187853, thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long, do chị Nguyễn Thị Tứ H đứng tên quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 756342 thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Tứ H đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/01/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 03/01/2019 bị đơn bà Đoàn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông yêu cầu chờ chồng chị H ở Hàn Quốc về Việt Nam mới giải quyết vụ án, ông không có yêu cầu đối với số

tiền ông chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H.

Đại diện theo ủy quyền của bà L thống nhất lời trình bày của ông S và sẽ kiện chị H vụ án dân sự khác đối với số tiền ông S, bà L chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L, đề nghị y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L còn trong hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Đầu năm 2016 chị Tứ H từ Hàn Quốc về nhà cha mẹ ruột là ông bà Nguyễn Văn S, Đoàn Thị L tại số 343, tổ 5, ấp Hòa An, xã Nguyễn Văn Thanh, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Khi về sống chung với ông S, bà L, chị Tứ H đã gửi các giấy tờ tùy thân cho ông S, bà L cất giữ trong tủ sắt của gia đình, trong đó có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị H đứng tên quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 187853, thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ số 30, diện tích 144m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 756342 thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², đều có mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. Chị Tứ H đã nhiều lần yêu cầu ông S, bà L giao trả lại các giấy tờ cho chị Tứ H nhưng không được chấp nhận. Do đó, chị Tứ H yêu cầu Tòa án giải quyết là buộc ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L trả lại cho chị H 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên.

Ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L thừa nhận có giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị H, nhưng do giấy tờ này là tài sản chung của vợ chồng chị H, chồng chị H ở Hàn Quốc nên không thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện, đồng thời phần giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do chị H cầm nên ông S chuộc lại với số tiền là 160.000.000 đồng.

Xét án sơ thẩm xử buộc ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho chị Nguyễn Thị Tứ H đứng tên

quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng pháp luật bởi lẽ ông S, bà L có thừa nhận đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị H đứng tên.

Xét nội dung ông S, bà L trình bày là chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền là 160.000.000đ từ bà Phan Thị Ánh, ông bà không có yêu cầu chị H phải trả phần tiền này nên dành riêng cho bà Đoàn Thị L và ông Nguyễn Văn S một vụ kiện khác, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông S không có yêu cầu số tiền 160.000.000 đồng như ông đã trình bày chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như nhận định trên yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L là không có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo của ông S, bà L.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị L không phải nộp án phí do bà L là người cao tuổi, ông Nguyễn Văn S nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L, y án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 105, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 3 Luật đất đai; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị L trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 187853, thuộc thửa đất số 278 tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 756342 thuộc thửa đất số 284, tờ bản đồ số 30, diện tích 144m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, cùng tọa lạc tại ấp Thành H, xã Thành Trung, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long do chị Nguyễn Thị Tú H đứng tên quyền sử dụng đất.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Thị L không phải nộp án phí do bà L là người cao tuổi, ông Nguyễn Văn S nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ ông S đã nộp theo biên lai thu số N⁰0015293, không phải nộp thêm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng

ngị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND huyện BT: 01;
- THADS huyện BT: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Đăng